



Quy tắc

# BẢO HIỂM TRÁCH NHIỆM DÂN SỰ TỰ NGUYỆN CỦA CHỦ XE Ô TÔ



Hotline  
**1900 558899 - 0766 558899**



Website  
**[www.baoviet.com.vn/insurance/](http://www.baoviet.com.vn/insurance/)**

(Ban hành kèm theo Quyết định số:686/QĐ-BHBV ngày 05 tháng 02 năm 2021 của Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt)

**“ LƯU Ý QUAN TRỌNG ”**

1. Khách hàng đọc kỹ điều kiện, điều khoản trong Quy tắc trước khi tham gia bảo hiểm;
2. Khi xảy ra sự kiện bảo hiểm, khách hàng vui lòng thông báo ngay cho BẢO VIỆT để được hỗ trợ và hướng dẫn khắc phục hậu quả tai nạn, giải quyết quyền lợi bảo hiểm cho quý khách.

## MỤC LỤC

### PHẦN 1. QUY ĐỊNH CHUNG

- Điều 1. Giải thích từ ngữ ..... 4
- Điều 2. Hợp đồng bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới ..... 5
- Điều 3. Thời hạn và hiệu lực bảo hiểm ..... 5
- Điều 4. Các trường hợp hợp đồng bảo hiểm chấm dứt ..... 5

### PHẦN 2. PHẠM VI BẢO HIỂM

- Điều 5. Phạm vi bồi thường thiệt hại ..... 6
- Điều 6. Bồi thường bảo hiểm ..... 6

### PHẦN 3. LOẠI TRỪ BẢO HIỂM

- Điều 7. Bảo Việt không bồi thường thiệt hại đối với các trường hợp sau ..... 8

### PHẦN 4. ĐIỀU KHOẢN BỔ SUNG

- 1. Bảo hiểm thiệt hại xảy ra ngoài lãnh thổ Việt Nam (PLNLT) ..... 9
- 2. Các điều khoản bổ sung khác ..... 9

### PHẦN 5. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN ..... 9

### PHẦN 6. THÔNG BÁO TAI NẠN, GIÁM ĐỊNH BỒI THƯỜNG VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP ..... 11



*Căn cứ vào Nghị định số 03/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định về bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt nhận bảo hiểm tự nguyện trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới với các điều khoản như sau*

## PHẦN I. QUY ĐỊNH CHUNG

### Điều 1. Giải thích từ ngữ

1.1 **“BẢO VIỆT”**: là Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt hoặc Công ty Bảo Việt thành viên của Tổng công ty Bảo hiểm Bảo Việt.

1.2 **“Chủ xe cơ giới”** là chủ sở hữu xe cơ giới hoặc được chủ sở hữu xe cơ giới giao chiếm hữu, sử dụng hợp pháp xe cơ giới.

1.3 **“Xe cơ giới”**: bao gồm phương tiện giao thông cơ giới đường bộ và xe máy chuyên dùng, trong đó:

a) Phương tiện giao thông cơ giới đường bộ gồm xe ô tô; máy kéo; rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc được kéo bởi xe ô tô, máy kéo; và các loại xe có kết cấu tương tự theo quy định của Luật Giao thông đường bộ;

b) Xe máy chuyên dùng gồm xe máy thi công, xe máy nông nghiệp, lâm nghiệp và các loại xe đặc chủng khác sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh theo quy định của Luật Giao thông đường bộ.

1.4 **“Hành khách”** là người được chở trên xe theo hợp đồng vận chuyển hành khách thuộc các hình thức quy định trong Bộ luật Dân sự.

1.5 **“Bên thứ ba”** là người bị thiệt hại về sức khỏe, tính mạng, tài sản do xe cơ giới gây ra, trừ những người sau:

a) Người lái xe, người trên chính chiếc xe đó.

b) Chủ sở hữu xe trừ trường hợp đã giao cho tổ chức, cá nhân khác chiếm hữu, sử dụng chiếc xe đó.

1.6 **Người được bảo hiểm** là chủ xe cơ giới hoặc người lái xe có trách nhiệm dân sự được bảo hiểm theo hợp đồng bảo hiểm.

1.7 **Xe cơ giới hoạt động** là xe cơ giới có sự điều khiển của người lái xe đang vận hành gồm đi chuyển, dừng xe, đỗ xe.

1.8 **Tham gia giao thông** là việc chủ xe cơ giới, người lái xe điều khiển xe cơ giới tham gia giao thông đường bộ.

1.9 **“Ngày”** (thời hạn) quy định trong Quy tắc này là ngày làm việc.

### Điều 2. Hợp đồng bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới

2.1 Giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới (sau đây gọi tắt là Giấy chứng nhận bảo hiểm) là bằng chứng giao kết hợp đồng bảo hiểm giữa chủ xe cơ giới và Bảo Việt. Mỗi xe cơ giới được cấp 01 Giấy chứng nhận bảo hiểm. Chủ xe cơ giới bị mất Giấy chứng nhận bảo hiểm phải có văn bản đề nghị Bảo Việt (nơi đã cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm) cấp lại Giấy chứng nhận bảo hiểm.

2.2 Bảo Việt cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm cho chủ xe cơ giới khi chủ xe cơ giới đã thanh toán phí bảo hiểm hoặc cam kết thanh toán phí bảo hiểm theo quy định trong Giấy chứng nhận bảo hiểm/Hợp đồng bảo hiểm.

### Điều 3. Thời hạn và hiệu lực bảo hiểm

3.1 Thời hạn bảo hiểm bắt đầu và kết thúc được ghi trên Hợp đồng bảo hiểm/Giấy chứng nhận bảo hiểm.

3.2 Trường hợp chuyển quyền sở hữu xe được bảo hiểm, hợp đồng bảo hiểm mặc nhiên có hiệu lực đối với chủ xe mới trừ trường hợp chủ xe cũ yêu cầu chấm dứt hợp đồng bảo hiểm.

### Điều 4. Các trường hợp hợp đồng bảo hiểm chấm dứt

4.1 Hợp đồng bảo hiểm chấm dứt trong các trường hợp Giấy chứng nhận đăng ký xe, biển số xe bị thu hồi theo quy định của Bộ Công an.

4.2 Hợp đồng bảo hiểm chấm dứt trong trường hợp chủ xe cơ giới không thanh toán đầy đủ phí bảo hiểm theo quy định tại Giấy chứng nhận/Hợp đồng bảo hiểm.

Hợp đồng bảo hiểm chấm dứt trong trường hợp chủ xe không thanh toán đầy đủ phí bảo hiểm theo thời hạn thanh toán phí bảo hiểm đã thỏa thuận tại hợp đồng giao kết ban đầu và BẢO VIỆT không có thỏa thuận cho bên mua bảo hiểm nợ phí theo quy định pháp luật.

Trong thời hạn 5 ngày kể từ ngày hợp đồng bảo hiểm chấm dứt, BẢO VIỆT phải hoàn lại cho chủ xe phần phí bảo hiểm đã đóng thừa (nếu có) hoặc yêu cầu chủ xe thanh toán đầy đủ phí bảo hiểm đến thời điểm hợp đồng bảo hiểm chấm dứt. BẢO VIỆT không phải hoàn phí bảo hiểm trong trường hợp đã xảy ra sự kiện bảo hiểm.

Hợp đồng bảo hiểm tiếp tục có hiệu lực kể từ thời điểm chủ xe cơ giới thanh toán đầy đủ phí bảo hiểm và được BẢO VIỆT chấp thuận bằng văn bản.

4.3 Đơn phương chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm.

Trong thời hạn bảo hiểm, một trong hai bên có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng bảo hiểm theo quy định pháp luật bằng cách thông báo bằng văn bản cho bên kia.

Trường hợp chủ xe chấm dứt hợp đồng bảo hiểm trước hạn thì chủ xe phải thông báo bằng văn bản cho BẢO VIỆT. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo bằng văn bản của chủ xe, BẢO VIỆT phải hoàn lại cho chủ xe 70% phí bảo hiểm tương ứng với thời gian còn lại của hợp đồng bảo hiểm. BẢO VIỆT không phải hoàn phí bảo hiểm trong trường hợp đã xảy ra sự kiện bảo hiểm.

Trường hợp BẢO VIỆT đơn phương chấm dứt hợp đồng bảo hiểm, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày BẢO VIỆT thông báo bằng văn bản cho chủ xe, BẢO VIỆT phải hoàn lại phí bảo hiểm cho chủ xe tương ứng với thời gian còn lại của hợp đồng bảo hiểm.

## PHẦN 2. PHẠM VI BẢO HIỂM

### Điều 5. Phạm vi bồi thường thiệt hại

5.1 Thiệt hại ngoài hợp đồng về sức khỏe, tính mạng và tài sản đối với bên thứ ba do xe cơ giới gây ra mà Người được bảo hiểm có trách nhiệm pháp lý phải bồi thường.

5.2 Thiệt hại về sức khỏe, tính mạng của hành khách do xe cơ giới gây ra mà Người được bảo hiểm có trách nhiệm pháp lý phải bồi thường.

5.3 BẢO VIỆT chỉ chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại do những tai nạn xe cơ giới xảy ra trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam.

### Điều 6. Bồi thường bảo hiểm

6.1 Mức trách nhiệm bảo hiểm là số tiền tối đa Bảo Việt có thể phải trả đối với thiệt hại về sức khỏe, tính mạng của bên thứ ba và/hoặc hành khách, thiệt hại về tài sản của bên thứ ba do xe cơ giới gây ra trong mỗi vụ tai nạn xảy ra thuộc phạm vi trách nhiệm bảo hiểm.

6.2 Khi tai nạn xảy ra, trong phạm vi mức trách nhiệm bảo hiểm, BẢO VIỆT phải bồi thường cho người được bảo hiểm số tiền mà người được bảo hiểm đã bồi thường hoặc sẽ phải bồi thường cho người bị thiệt hại.

Trường hợp người được bảo hiểm chết, mất năng lực hành vi dân sự theo quyết định của Tòa án, BẢO VIỆT bồi thường trực tiếp cho người bị thiệt hại hoặc người thừa kế của người bị thiệt hại (trong trường hợp người bị thiệt hại đã chết) hoặc đại diện của người bị thiệt hại (trong trường hợp người bị thiệt hại mất năng lực hành vi dân sự theo quyết định của Tòa án hoặc chưa đủ sáu tuổi).

6.3 Bồi thường thiệt hại về người: Số tiền bồi thường thiệt hại về người sau khi được giải quyết bồi thường theo quy định tại Nghị định số 03/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ, phần còn lại sẽ được tính vào Hợp đồng bảo hiểm trách nhiệm dân sự tự nguyện theo nguyên tắc sau:

a) Mức trách nhiệm tự nguyện đến 150 triệu đồng: Mức bồi thường cụ thể về sức khỏe, tính mạng được xác định theo Bảng quy định trả tiền bồi thường thiệt hại về sức khỏe, tính mạng quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 03/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2021 hoặc theo thỏa thuận (nếu có) giữa người được bảo hiểm và người bị thiệt hại hoặc người thừa kế của người bị thiệt hại (trong trường hợp người bị thiệt hại mất năng lực hành vi dân sự theo quyết định của Tòa án hoặc chưa đủ sáu tuổi), nhưng không vượt quá mức bồi thường quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 03/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2021.

b) Mức trách nhiệm tự nguyện trên 150 triệu đồng:

- Mức bồi thường được tính trên cơ sở thiệt hại thực tế hợp lý và mức độ lỗi của chủ xe cơ giới.

- Thiệt hại thực tế hợp lý bao gồm:

+ Chi phí hợp lý cho việc cứu chữa, bồi dưỡng, phục hồi sức khỏe và chức năng bị mất, bị giảm sút của người bị thiệt hại; Chi phí hợp lý cho việc cứu chữa, bồi dưỡng chăm sóc

người bị thiệt hại trước khi chết (trường hợp tử vong). Những chi phí này bao gồm: tiền thuê phương tiện đưa người bị thiệt hại đi cấp cứu tại cơ sở y tế, tiền thuốc và tiền mua các thiết bị y tế, chi phí chiếu, chụp X quang, chụp cắt lớp, siêu âm, xét nghiệm, mổ, truyền máu, vật lý trị liệu... theo chỉ định của bác sĩ; tiền viện phí; tiền mua thuốc bổ, tiếp đạm, tiền bồi dưỡng phục hồi sức khỏe cho người bị thiệt hại theo chỉ định của bác sĩ; các chi phí thực tế, cần thiết khác cho người bị thiệt hại (nếu có) và các chi phí cho việc lắp chân giả, tay giả, mắt giả, mua xe lăn, xe đẩy, nạng chống và khắc phục thẩm mỹ... để hỗ trợ hoặc thay thế một phần chức năng của cơ thể bị mất hoặc bị giảm sút của người bị thiệt hại (nếu có).

+ Thu nhập thực tế bị mất hoặc bị giảm sút của người bị thiệt hại trong quá trình điều trị thương tật.

+ Trường hợp người bị thiệt hại không còn khả năng lao động do bị liệt cột sống, mù hai mắt, liệt hai chi, bị tâm thần nặng và các trường hợp khác do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định bị suy giảm khả năng lao động vĩnh viễn từ 81% trở lên thì tính thêm các thiệt hại gồm: Chi phí hợp lý cho việc chăm sóc người bị thiệt hại bao gồm: chi phí hợp lý hàng tháng cho việc nuôi dưỡng, điều trị người bị thiệt hại và chi phí hợp lý cho người thường xuyên chăm sóc người bị thiệt hại.

+ Thu nhập thực tế của nạn nhân được tính bằng thu nhập bình quân 6 tháng liền kề trước khi xảy ra tai nạn. Trường hợp không xác định được thu nhập thì mức thu nhập căn cứ theo mức lương tối thiểu theo quy định của nhà nước tại thời điểm tai nạn.

+ Mai táng phí: các khoản tiền mua quan tài, các vật dụng cần thiết cho việc khâm liệm, khăn tang, hương, nến, hoa, thuê xe tang và các khoản chi khác phục vụ cho việc chôn cất hoặc hỏa táng nạn nhân theo thông lệ chung. Theo luật không phải bồi thường chi phí cúng tế, lễ bái, ăn uống, xây mộ, bốc mộ.

+ Khoản tiền cấp dưỡng cho những người mà người bị thiệt hại có nghĩa vụ cấp dưỡng trước khi chết hoặc trước khi mất khả năng lao động.

+ Các khoản mục thiệt hại khác theo quy định của pháp luật.

- Trường hợp không có cơ sở xác định thiệt hại thực tế như quy định trên đây hoặc cơ sở xác định thiệt hại không đầy đủ thì được vận dụng trả tiền bồi thường theo quy định tại Bảng quy định trả tiền bồi thường thiệt hại về sức khỏe, tính mạng theo quy định tại Phụ lục 01 ban hành kèm theo Nghị định số 03/2021/NĐ-CP trên cơ sở mức trách nhiệm 150 triệu đồng.

c) Trong mọi trường hợp tổng số tiền bồi thường theo cả mức trách nhiệm bắt buộc và tự nguyện không vượt quá hòa giải bồi thường giữa chủ xe cơ giới và nạn nhân, hoặc mức bồi thường theo bản án của tòa án.

6.4 Trường hợp nhiều xe cơ giới gây tai nạn dẫn đến thiệt hại về sức khỏe, tính mạng, mức bồi thường được xác định theo mức độ lỗi của người được bảo hiểm nhưng tổng mức bồi thường không vượt quá mức trách nhiệm bảo hiểm.

6.5 Đối với vụ tai nạn được cơ quan có thẩm quyền xác định nguyên nhân do lỗi hoàn toàn của bên thứ ba, thì mức bồi thường bảo hiểm về sức khỏe, tính mạng đối với các đối tượng thuộc bên thứ ba bằng 50% mức bồi thường quy định tại khoản 6.3 Điều 6 hoặc theo thỏa thuận (nếu có) giữa người được bảo hiểm và người thừa kế của người bị thiệt hại (trong trường hợp người bị thiệt hại đã chết) hoặc đại diện của người bị thiệt hại (trong trường hợp người bị thiệt hại mất năng lực hành vi dân sự theo quyết định của Tòa án hoặc chưa đủ sáu tuổi), nhưng không vượt quá 50% mức bồi thường quy định tại khoản 6.3 Điều 6.

6.6 Mức bồi thường cụ thể về thiệt hại đối với tài sản/1 vụ tai nạn được xác định theo thiệt hại thực tế và theo mức độ lỗi của người được bảo hiểm nhưng không vượt quá mức trách nhiệm bảo hiểm.

6.7 Trường hợp chủ xe cơ giới tham gia đồng thời nhiều hợp đồng bảo hiểm tự nguyện trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới, thì BẢO VIỆT sẽ bồi thường theo tỷ lệ giữa mức trách nhiệm bảo hiểm tự nguyện ghi trên Giấy chứng nhận bảo hiểm trên tổng mức trách nhiệm bảo hiểm tự nguyện của tất cả các hợp đồng mà chủ xe cơ giới đã giao kết. Tổng số tiền bồi thường của các hợp đồng không vượt quá số tiền thực tế (đã trừ số tiền bồi thường theo mức trách nhiệm bảo hiểm bắt buộc) mà chủ xe phải bồi thường cho nạn nhân theo hòa giải dân sự hoặc theo phán quyết của tòa án.

Những điều kiện bảo hiểm không trùng nhau của các hợp đồng bảo hiểm (nếu có) sẽ được giải quyết độc lập theo từng hợp đồng Bảo hiểm.

### PHẦN 3. LOẠI TRỪ BẢO HIỂM

#### Điều 7. Bảo Việt không bồi thường thiệt hại đối với các trường hợp sau:

- 7.1 Hành động cố ý gây thiệt hại của chủ xe cơ giới, người lái xe hoặc người bị thiệt hại.
- 7.2 Người lái xe gây tai nạn cố ý bỏ chạy không thực hiện trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới. Trường hợp người lái xe gây tai nạn cố ý bỏ chạy nhưng đã thực hiện trách nhiệm dân sự của chủ xe Cơ giới thì không thuộc trường hợp loại trừ trách nhiệm bảo hiểm.
- 7.3 Người lái xe chưa đủ độ tuổi hoặc quá độ tuổi điều khiển xe cơ giới theo quy định pháp luật về giao thông đường bộ; người lái xe không có Giấy phép lái xe hoặc sử dụng Giấy phép lái xe không hợp lệ (có số phôi ghi ở mặt sau không trùng với số phôi được cấp mới nhất trong hệ thống thông tin quản Lý Giấy phép lái xe) hoặc sử dụng Giấy phép lái xe không do cơ quan có thẩm quyền cấp, Giấy phép lái xe bị tẩy xóa hoặc sử dụng Giấy phép lái xe hết hạn sử dụng tại thời điểm xảy ra tai nạn hoặc sử dụng Giấy phép lái xe không phù hợp đối với xe cơ giới bắt buộc phải có Giấy phép lái xe. Trường hợp người lái xe bị tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe có thời hạn hoặc bị thu hồi Giấy phép lái xe thì được coi là không có Giấy phép lái xe.
- 7.4 Thiệt hại gián tiếp bao gồm: giảm giá trị thương mại, thiệt hại về kinh doanh do mất khả năng sử dụng hoặc khai thác tài sản bị thiệt hại.
- 7.5 Thiệt hại đối với tài sản do lái xe điều khiển xe mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn, sử dụng ma túy và chất kích thích bị cấm theo quy định của pháp luật.
- 7.6 Thiệt hại đối với tài sản bị mất cắp hoặc bị cướp trong tai nạn.
- 7.7 Thiệt hại đối với tài sản đặc biệt bao gồm: vàng, bạc, đá quý, các loại giấy tờ có giá trị như tiền, đồ cổ, tranh ảnh quý hiếm, thi hài, hài cốt.
- 7.8 Chiến tranh, khủng bố, động đất.

### PHẦN 4. ĐIỀU KHOẢN BỔ SUNG

*(Điều khoản bổ sung chỉ có hiệu lực thực hiện khi được quy định cụ thể trên Giấy chứng nhận bảo hiểm/Hợp đồng bảo hiểm/Văn bản sửa đổi bổ sung)*

#### 1. Bảo hiểm thiệt hại xảy ra ngoài lãnh thổ Việt Nam (PLNLT)

Trên cơ sở yêu cầu và chấp nhận nộp phí của Chủ xe/Người thay mặt chủ xe yêu cầu bảo hiểm, BẢO VIỆT đồng ý nhận bảo hiểm theo quy định sửa đổi bổ sung như sau:

Mở rộng phạm vi bảo hiểm: BẢO VIỆT nhận bảo hiểm và chịu trách nhiệm bồi thường cho những thiệt hại xảy ra ngoài lãnh thổ Việt Nam và trong phạm vi các nước Trung Quốc, Lào, Campuchia, Thái Lan.

Tất cả các quy định khác trong Hợp đồng bảo hiểm không thay đổi.

#### 2. Các điều khoản bổ sung khác

Ngoài điều khoản quy định trong Quy tắc này, Chủ xe và BẢO VIỆT có thể thoả thuận bảo hiểm bằng văn bản theo các điều khoản bảo hiểm riêng, trên cơ sở chấp thuận của BẢO VIỆT và theo nguyên tắc mở rộng phạm vi sẽ tăng phí, thu hẹp phạm vi sẽ giảm phí.

### PHẦN 5. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN

#### Điều 8. Quyền của bên mua bảo hiểm, người được bảo hiểm

- 8.1 Yêu cầu Bảo Việt giải thích, cung cấp các thông tin liên quan đến việc giao kết, thực hiện và huỷ bỏ hợp đồng bảo hiểm.
- 8.2 Trường hợp có sự thay đổi những yếu tố làm dẫn đến giảm các rủi ro được bảo hiểm, có quyền yêu cầu Bảo Việt giảm mức phí bảo hiểm phù hợp cho thời gian còn lại của hợp đồng bảo hiểm.
- 8.3 Yêu cầu Bảo Việt bồi thường nhanh chóng, đầy đủ và kịp thời theo hợp đồng bảo hiểm.
- 8.4 Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

#### Điều 9. Nghĩa vụ của bên mua bảo hiểm, người được bảo hiểm

- 9.1 Kịp thời thông báo cho BẢO VIỆT để áp dụng phí bảo hiểm phù hợp cho thời gian còn lại của hợp đồng Bảo hiểm trong trường hợp có sự thay đổi các yếu tố dẫn đến tăng các rủi ro được bảo hiểm.
- 9.2 Tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn giao thông đường bộ.
- 9.3 Khi tai nạn giao thông xảy ra, phải có trách nhiệm:
  - a) Thông báo ngay cho BẢO VIỆT để phối hợp giải quyết, tích cực cứu chữa, hạn chế thiệt hại về sức khỏe, tính mạng và tài sản, bảo vệ hiện trường tai nạn; thông báo ngay cho cơ

quan Công an hoặc chính quyền địa phương nơi gần nhất để phối hợp giải quyết vụ tai nạn giao thông theo quy định và phối hợp với cơ quan chức năng trong việc điều tra, xác minh nguyên nhân vụ tai nạn giao thông.

b) Không được di chuyển, tháo gỡ hoặc sửa chữa tài sản khi chưa có ý kiến chấp thuận của BẢO VIỆT; trừ trường hợp cần thiết để đảm bảo an toàn, để phòng hạn chế thiệt hại về sức khỏe, tính mạng và tài sản hoặc phải thi hành theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

c) Chủ động thu thập và cung cấp các tài liệu quy định trong hồ sơ bồi thường bảo hiểm thuộc trách nhiệm của bên mua bảo hiểm, người được bảo hiểm cho BẢO VIỆT quy định tại Điều 13 Quy tắc này.

d) Tạo điều kiện thuận lợi cho BẢO VIỆT trong quá trình xác minh các tài liệu do mình cung cấp.

9.4 Các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

### Điều 10. Quyền của Bảo Việt

10.1 Thu phí bảo hiểm theo thoả thuận trong hợp đồng bảo hiểm

10.2 Yêu cầu bên mua Bảo hiểm, người được bảo hiểm cung cấp đầy đủ và trung thực những thông tin đã được quy định trong Giấy chứng nhận bảo hiểm; xem xét tình trạng xe cơ giới trước khi cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm.

10.3 Giảm trừ tối đa 5% số tiền bồi thường thiệt hại đối với tài sản trong trường hợp bên mua bảo hiểm, người được bảo hiểm không thông báo tai nạn cho BẢO VIỆT theo quy định tại điểm a khoản 12.1 Điều 12 Quy tắc này hoặc sau khi xảy ra sự kiện bảo hiểm, BẢO VIỆT phát hiện trong quá trình thực hiện hợp đồng bảo hiểm, bên mua bảo hiểm, người được bảo hiểm không thực hiện nghĩa vụ thông báo khi có sự thay đổi những yếu tố làm cơ sở để tính phí bảo hiểm, dẫn đến tăng các rủi ro được bảo hiểm.

10.3 Từ chối giải quyết bồi thường đối với những trường hợp không thuộc trách nhiệm bảo hiểm.

10.4 Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

### Điều 11. Nghĩa vụ của Bảo Việt

11.1 Giải thích cho bên mua bảo hiểm, chủ xe về điều kiện, điều khoản bảo hiểm; quyền và nghĩa vụ của bên mua bảo hiểm, chủ xe khi tham gia bảo hiểm.

11.2 Cấp cho bên mua bảo hiểm văn bản hợp đồng bảo hiểm, bao gồm giấy chứng nhận bảo hiểm/đơn bảo hiểm/hợp đồng bảo hiểm, bản quy tắc bảo hiểm này và các điều khoản bổ sung đi kèm, nếu có, sau khi giao kết hợp đồng bảo hiểm.

11.3 Trả tiền bồi thường bảo hiểm trong vòng 15 ngày kể từ khi nhận được hồ sơ yêu cầu bồi thường đầy đủ, hợp lệ; không quá 30 ngày trong trường hợp BẢO VIỆT phải tiến hành xác minh hồ sơ.

11.4 Trường hợp từ chối bồi thường, BẢO VIỆT phải gửi văn bản nêu lý do từ chối bồi thường trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày BẢO VIỆT nhận được đầy đủ hồ sơ bồi thường hợp lệ.

11.5 BẢO VIỆT có trách nhiệm hướng dẫn chủ xe, bên mua bảo hiểm thu thập tài liệu để lập

hồ sơ bồi thường theo quy định tại Điều 13 quy tắc này.

11.6 BẢO VIỆT có trách nhiệm đánh giá lại rủi ro và định phí bảo hiểm trong vòng 5 ngày kể từ ngày nhận được thông báo thay đổi các yếu tố liên quan đến rủi ro của xe được bảo hiểm và có trách nhiệm hoàn phí hoặc thu thêm phí theo tỷ lệ tương ứng với thời hạn còn lại của hợp đồng bảo hiểm.

11.7 Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

## PHẦN 6. THÔNG BÁO TAI NẠN, GIÁM ĐỊNH BỒI THƯỜNG VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

### Điều 12. Thông báo tai nạn và giám định thiệt hại

12.1 Thông báo tai nạn:

a) Khi xe bị tai nạn, Bên mua bảo hiểm, người được bảo hiểm phải tìm mọi cách cứu chữa, hạn chế thiệt hại về người cũng như tài sản, đồng thời báo ngay cho cơ quan Công an, BẢO VIỆT nơi gần nhất để phối hợp giải quyết hậu quả tai nạn. Trong vòng 05 (năm) ngày kể từ ngày xảy ra tai nạn (trừ trường hợp bất khả kháng), bên mua bảo hiểm, người được bảo hiểm phải gửi thông báo tai nạn bằng văn bản hoặc thông qua hình thức điện tử cho BẢO VIỆT.

b) Bên mua bảo hiểm, người được bảo hiểm không được di chuyển, tháo gỡ hoặc sửa chữa tài sản khi chưa có ý kiến chấp thuận của BẢO VIỆT; Trừ trường hợp cần thiết để đảm bảo an toàn, để phòng hạn chế thiệt hại về sức khỏe, tính mạng và tài sản hoặc phải thi hành theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

c) Trường hợp tai nạn có liên quan đến người khác thì Bên mua bảo hiểm, người được bảo hiểm phải xác định và cung cấp thông tin cho BẢO VIỆT để có cơ sở liên lạc và xác minh được vụ tai nạn.

12.2 Giám định thiệt hại

a) Khi xảy ra tai nạn, BẢO VIỆT hoặc người được BẢO VIỆT ủy quyền phải phối hợp chặt chẽ với chủ xe cơ giới, người lái xe và bên thứ ba hoặc người đại diện hợp pháp của các bên liên quan thực hiện việc giám định thiệt hại để xác định nguyên nhân và mức độ thiệt hại. Kết quả giám định phải lập thành văn bản có chữ ký của các bên liên quan. Chi phí giám định thiệt hại do BẢO VIỆT chi trả.

b) Trường hợp chủ xe cơ giới, người lái xe không thống nhất về nguyên nhân và mức độ thiệt hại do BẢO VIỆT xác định, hai bên có thể trưng cầu giám định viên độc lập, trừ trường hợp có thỏa thuận khác trong hợp đồng bảo hiểm. Trong trường hợp các bên không thỏa thuận được việc trưng cầu giám định viên độc lập, một trong các bên được yêu cầu Tòa án nơi xảy ra thiệt hại hoặc nơi cư trú của người được bảo hiểm chỉ định giám định viên độc lập. Kết luận của giám định viên độc lập có giá trị bắt buộc đối với các bên.

c) Trường hợp kết luận của giám định viên độc lập khác với kết luận giám định của BẢO VIỆT, BẢO VIỆT phải trả chi phí giám định viên độc lập. Trường hợp kết luận của giám định viên độc lập trùng với kết luận giám định của BẢO VIỆT, chủ xe cơ giới, người lái xe phải trả chi phí giám định viên độc lập.

d) Trong trường hợp bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan không thể thực hiện được việc

giám định, BẢO VIỆT được căn cứ vào các biên bản, kết luận của các cơ quan chức năng có thẩm quyền và các tài liệu liên quan để xác định nguyên nhân và mức độ thiệt hại.

### Điều 13. Hồ sơ bồi thường

BẢO VIỆT phối hợp với chủ xe, người bị thiệt hại, cơ quan công an và các bên liên quan đến vụ tai nạn để thu thập các tài liệu có liên quan đến vụ tai nạn giao thông để lập Hồ sơ bồi thường. Hồ sơ bồi thường bảo hiểm bao gồm các tài liệu sau:

13.1 Thông báo tai nạn/thiệt hại và yêu cầu bồi thường kèm kèm tài liệu liên quan đến xe, người lái xe (Bản sao công chứng hoặc Bản sao có xác nhận của BẢO VIỆT sau khi đã đối chiếu với bản chính) do bên mua bảo hiểm, người được Bảo hiểm cung cấp.

a) Giấy đăng ký xe (hoặc bản sao chứng thực Giấy đăng ký xe kèm bản gốc Giấy biên nhận của tổ chức tín dụng còn hiệu lực, thay cho bản chính Giấy đăng ký xe trong thời gian tổ chức tín dụng giữ bản chính Giấy đăng ký xe) hoặc chứng từ chuyển quyền sở hữu xe và chứng từ nguồn gốc xe (trường hợp không có giấy đăng ký xe).

b) Giấy phép lái xe.

c) Giấy chứng minh nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân hoặc Hộ chiếu hoặc các giấy tờ tùy thân khác của người lái xe.

d) Giấy chứng nhận bảo hiểm.

13.2 Tài liệu chứng minh thiệt hại về sức khỏe, tính mạng (Bản sao của các cơ sở y tế hoặc bản sao có xác nhận của BẢO VIỆT sau khi đã đối chiếu với bản chính) do bên mua bảo hiểm, người được bảo hiểm cung cấp:

a) Giấy chứng nhận thương tích.

b) Hồ sơ bệnh án.

c) Trích lục khai tử hoặc Giấy báo tử hoặc văn bản xác nhận của cơ quan công an hoặc kết quả giám định của Cơ quan giám định pháp y đối với trường hợp nạn nhân chết trên phương tiện giao thông, chết do tai nạn.

13.3 Tài liệu chứng minh thiệt hại đối với tài sản do bên mua bảo hiểm, người được bảo hiểm cung cấp:

a) Hóa đơn, chứng từ hợp lệ về việc sửa chữa, thay mới tài sản bị thiệt hại do tai nạn giao thông gây ra (trường hợp BẢO VIỆT thực hiện sửa chữa, khắc phục thiệt hại, BẢO VIỆT có trách nhiệm thu thập giấy tờ này).

b) Các giấy tờ, hóa đơn, chứng từ liên quan đến chi phí phát sinh mà chủ xe cơ giới đã chi ra để giảm thiểu thiệt hại hay để thực hiện theo chỉ dẫn của BẢO VIỆT.

13.4 Bản sao các tài liệu liên quan của cơ quan Công an do BẢO VIỆT thu thập trong các vụ tai nạn gây tử vong đối với bên thứ ba và hành khách, bao gồm: Thông báo kết quả điều tra, xác minh, giải quyết vụ tai nạn giao thông hoặc Thông báo kết luận điều tra giải quyết vụ tai nạn giao thông.

13.5 Biên bản giám định xác định nguyên nhân và mức độ thiệt hại do BẢO VIỆT lập được thống nhất giữa BẢO VIỆT và bên mua bảo hiểm, người được bảo hiểm.

13.6 Các tài liệu có liên quan đến vụ tai nạn (nếu có).

### Điều 14. Thời hạn yêu cầu, thanh toán và khiếu nại bồi thường

14.1 Thời hạn yêu cầu bồi thường là 01 năm kể từ ngày xảy ra tai nạn, trừ trường hợp chậm trễ do nguyên nhân khách quan và bất khả kháng theo quy định của pháp luật.

14.2 Thời hạn thanh toán bồi thường của Bảo Việt là 15 ngày kể từ khi nhận được đầy đủ hồ sơ yêu cầu bồi thường bảo hiểm hợp lệ và không quá 30 ngày kể từ khi nhận được đầy đủ hồ sơ yêu cầu bồi thường bảo hiểm hợp lệ trong trường hợp phải tiến hành xác minh hồ sơ.

14.3 Trường hợp từ chối bồi thường, Bảo Việt phải thông báo bằng văn bản cho bên mua bảo hiểm, người được bảo hiểm biết lý do từ chối bồi thường trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ yêu cầu bồi thường bảo hiểm hợp lệ.

14.4 Thời hiệu khởi kiện về hợp đồng bảo hiểm là 03 năm kể từ thời điểm phát sinh tranh chấp. Quá thời hạn trên quyền khởi kiện không còn giá trị.

### Điều 15. Giải quyết tranh chấp

Mọi tranh chấp phát sinh từ hợp đồng bảo hiểm, nếu không giải quyết được bằng thương lượng giữa các bên liên quan sẽ được đưa ra Tòa án tại Việt Nam giải quyết.

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Xuân Việt**



**3.000++**

CÁN BỘ NHÂN VIÊN  
CÓ TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN CAO  
& KHÔNG NGỪNG TRẺ HÓA



**Hơn 79**

CÔNG TY THÀNH VIÊN

**700++**

PHÒNG KINH DOANH



**BAOVIET**  **Insurance**  
BẢO HIỂM BẢO VIỆT

**Trụ sở chính:** 104 Trần Hưng Đạo, P. Cửa Nam, Q. Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội

**Tel:** +84 24 3826 2614 | **Fax:** +84 24 3825 7188

**Email:** [bvvn@baoviet.com.vn](mailto:bvvn@baoviet.com.vn)

**Hotline:** 1900 558899 - 0766 558899

**Website:** [www.baoviet.com.vn/insurance/](http://www.baoviet.com.vn/insurance/)